



Số:0588/MT/0198/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 1 (Đầu vào HTXL nước thải)
Tọa độ: 0573431/1120709
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 4,5 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 29/11/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0198MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,63 (tại 25,4°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	14	32,4	54
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	45,00	54	108
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	2,80	5,4	10,8
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	25	81	162
6	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	25,4	40	40
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	11,77	21,6	43,2
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,16	4,32	6,48

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) Cột A và (**) Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Kf = 0,9; Kq = 1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORTNgày: 01/12/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
9	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	10,8
10	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$4,0 \times 10^3$	3.000	5.000
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
12	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00008)	0,0054	0,0108
13	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,108	0,54
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
15	Hàm lượng Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,054	0,108
16	Hàm lượng Crom III (Cr^{3+})	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)	0,216	1,08
17	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	2,16	2,16
18	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,34	3,24	3,24
19	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,50	0,216	0,54
20	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,13	0,54	1,08
21	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)	1,08	5,4
22	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0756	0,108
23	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,012	0,108	0,54
24	Hàm lượng Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,216	0,54
25	Hàm lượng Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500 F^- .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	5,4	10,8
26	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,30)	1,08	2,16

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Căn Thơ
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số: 0589/MT/0198/1125

Ngày: 01/12/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 2 (Nước thải làm mát và nước thải sau xử lý (Trước khi xả ra sông Hậu))
Tọa độ: 0574161/1120457
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 4,5 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 29/11/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0198MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,18 (tại 24,9°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	7	32,4	54
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	15,00	54	108
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)	5,4	10,8
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	15	81	162
6	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	24,9	40	40
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,29	21,6	43,2
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,06	4,32	6,48

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) Cột A và (**) Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, K_f = 0,9; K_q = 1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - (*) là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN KHÁNH NGỌC

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
9	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	10,8
10	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)	3.000	5.000
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0018	0,054	0,108
12	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00008)	0,0054	0,0108
13	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0020	0,108	0,54
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
15	Hàm lượng Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,054	0,108
16	Hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)	0,216	1,08
17	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	2,16	2,16
18	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	3,24	3,24
19	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0093	0,216	0,54
20	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,06	0,54	1,08
21	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	1,29	1,08	5,4
22	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0756	0,108
23	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,0003)	0,108	0,54
24	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,216	0,54
25	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	5,4	10,8
26	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,30)	1,08	2,16

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 0591/MT/0198/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025
Trang: 1/1

- Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 5 (Nước thải tại khu vực bồn dầu nội địa)
Tọa độ: 0573655/1120735
- Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 02 lít)
- Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
- Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 29/11/2025
- Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
- Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
- Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0198MT
 - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.
- Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	(*) Mức giới hạn	
					Cột A	Cột B, Kho
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,34 (tại 26,5°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	24,00	54	100
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	17	81	100
4	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	15

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 29:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 0590/MT/0198/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 4 (Nước thải tại khu vực bồn dầu nhập khẩu)
Tọa độ: 0573680/1120754
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 02 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 29/11/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0198MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	(*) Mức giới hạn	
					Cột A	Cột B, Kho
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,51 (tại 26,5°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	25,00	54	100
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	19	81	100
4	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	15

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 29:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số:0592/MT/0198/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 1 (Tại sông Hậu cách điểm xả 100m về phía thượng lưu)
Tọa độ: 0573373/1121417
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,7 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 29/11/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0198MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,31 (tại 26,7°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	9	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	7,37	≥ 6,0
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	111,00	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,10	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	19,14	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt theo Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025
Trang: 2/2

STT		Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
9	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	KPH (MDL = 0,01)	0,05
10	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	0,51	-
11	Hàm lượng Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,45	-
12	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,01
13	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0021	0,01
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,005
15	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0042	0,02
16	Hàm lượng Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,01
17	Hàm lượng Crom tổng (Cr)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	0,05
18	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	0,1
19	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	0,5
20	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0047	0,1
21	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,13	0,1
22	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	2,24	0,5
23	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0008)	0,001
24	Hàm lượng Dầu mỡ tổng	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL = 0,90)	-
25	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,1 x 10 ³	≤ 1.000

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 0593/MT/0198/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 01/12/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 2 (Tại sông Hậu cách điểm xả 100m về phía hạ lưu)
Tọa độ: 0574089/1120971
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,7 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 29/11/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0198MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Lúc 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,38 (tại 26,1°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	17	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	7,80	≥ 6,0
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	120,00	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,07	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	17,73	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt theo Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORTNgày: 01/12/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
9	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NO_2^- B:2023	KPH (MDL = 0,01)	0,05
10	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NO_3^- E:2023	0,65	-
11	Hàm lượng Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	0,15	-
12	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500- CN^- C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,01
13	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0023	0,01
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,005
15	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0038	0,02
16	Hàm lượng Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,01
17	Hàm lượng Crom tổng (Cr)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,028	0,05
18	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	0,1
19	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	0,5
20	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,010	0,1
21	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,12	0,1
22	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	3,51	0,5
23	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0038	0,001
24	Hàm lượng Dầu mỡ tổng	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL = 0,90)	-
25	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$4,0 \times 10^3$	≤ 1.000

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số:0996/MT/0314/1125

Ngày: 01/12/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải sau xử lý tại bồn chứa nước (trước khi xả ra kênh thải hồ) - NT3
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 1,5 lít x 5 chai)
3. Ngày nhận mẫu : 12/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa
5. Ngày thử nghiệm : Từ 12/11/2025 đến 29/11/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Không
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
1	(#) Nhiệt độ	mS/cm	SMEWW 2550B:2023	67,6	32,4	54
2	(#) pH	-	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023	7,57 (tại 25,1°C)	6 - 9	5,5 - 9
3	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6	32,4	54
4	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	10	81	162
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	17,00	54	108
6	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,72	21,6	43,2
7	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,11	4,32	6,48
8	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)	5,4	10,8

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (#) Kết quả chỉ có giá trị tham khảo, kết quả có giá trị pháp lý khi được quan trắc hiện trường bởi tổ chức có giấy chứng nhận VIMCERTS; - (*) Cột A và (**) Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Kf = 0,9; Kq = 1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
9	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	10,8
10	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 ^(a)	3.000	5.000
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
12	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00008)	0,0054	0,0108
13	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,108	0,54
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
15	Hàm lượng Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,70)	0,054	0,108
16	Hàm lượng Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)	0,216	1,08
17	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	2,16	2,16
18	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	3,24	3,24
19	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,00071	0,216	0,54
20	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,01)	0,54	1,08
21	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)	1,08	5,4
22	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0756	0,108
23	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,0003)	0,108	0,54
24	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,216	0,54
25	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,25)	5,4	10,8
26	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,30)	1,08	2,16

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH



Số: 0594/MT/0199/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 05/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 1 (Khu vực cổng ra vào nhà máy)
Tọa độ: 0573441/1120395
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 03/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0199MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I - KV Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	57,05	300
2	Tiếng ồn (**)	dBA	TCVN 7878-1:2018	43,7	70
3	Hàm lượng SO_2 (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	127,73	350
4	Hàm lượng NO_2 (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137: 2009	42,39	200
5	Hàm lượng CO (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	HD 15 - MT-3.7.2	8.239	30.000
6	Hàm lượng NH_3 (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5293:1995	52,01	200

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng không khí (trung bình 1 giờ); - (**) QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 0595/MT/0199/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 05/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 2 (Khu vực trạm xử lý nước thải)
Tọa độ: 0573482/1120704
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 03/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0199MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I – KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	68,58	300
2	Tiếng ồn (**)	dBA	TCVN 7878-1:2018	63,5	70
3	Hàm lượng SO ₂ (*)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	137,02	350
4	Hàm lượng NO ₂ (*)	µg/Nm ³	TCVN 6137: 2009	48,53	200
5	Hàm lượng CO (*)	µg/Nm ³	HD 15 - MT-3.7.2	8,731	30.000
6	Hàm lượng NH ₃ (*)	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995	54,26	200

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng không khí (trung bình 1 giờ); - (**) QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường).

 **TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH**

Nguyễn Hữu Thịnh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 0596/MT/0199/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 05/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí xung quanh 3 (Khu vực trên cảng dầu)
Tọa độ: 0573741/1120858
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 03/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0199MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I - KV Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	91,43	300
2	Tiếng ồn (**)	dBA	TCVN 7878-1:2018	43,2	70
3	Hàm lượng SO_2 (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	120,19	350
4	Hàm lượng NO_2 (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137: 2009	60,66	200

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng không khí (trung bình 1 giờ); - (**) QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



VILAS 086

Số: 0597/MT/0199/1125

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 05/12/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Không khí 4 (Khu vực bồn chứa)
Tọa độ: 0573642/1120753
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu
3. Ngày nhận mẫu : 06/11/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu được quan trắc tại hiện trường
5. Ngày thử nghiệm : Từ 06/11/2025 đến 03/12/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 0199MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: 10h00 ngày 06/11/2025 tại Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I - KV Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	102,80	300
2	Tiếng ồn (**)	dBA	TCVN 7878-1:2018	44,4	70
3	Hàm lượng SO_2 (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	130,77	350
4	Hàm lượng NO_2 (*)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137: 2009	69,11	200

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng không khí (trung bình 1 giờ); - (**) QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) (theo yêu cầu khách hàng).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Nguyễn Hữu Thịnh

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.